

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 36

44
ĐN
TN
M
VII
PH
11018
CÔNG T
CỔ PHẦN
DU LỊCH
TỈNH B
VŨNG T

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (gọi tắt là “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty mẹ và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính: Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điện thoại: (0254) 385 6445
Fax: (0254) 385 6444
Website: <http://www.vungtautourist.com.vn>
Email: info@vungtautourist.com

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 VND (một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
Tổng số cổ phần: 18.644.500 cổ phần
Mã chứng khoán: VTG
Sàn giao dịch: UPCoM

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đang hoạt động
Khách sạn Vũng Tàu – Sammy	Số 157 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đang hoạt động
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Tạm ngưng hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Đang hoạt động
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 275 F Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Tạm ngưng hoạt động từ 31 tháng 12 năm 2019 và đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động.
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Tạm ngưng hoạt động từ ngày 01 tháng 11 năm 2020 đến ngày 24 tháng 3 năm 2024

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là cung cấp dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, khách sạn và dịch vụ lữ hành.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</u>
Ông Thái Hoàng Thân	Chủ tịch	14/08/2023
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Thành viên	14/08/2023
Ông Nguyễn Tiến Mạnh	Thành viên	14/08/2023
Ông Trần Văn Phát	Thành viên	14/08/2023
Ông Lê Văn Chiến	Thành viên	14/08/2023

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Lý	Trưởng ban	14/08/2023	-
Bà Vũ Ngọc Linh	Thành viên	14/08/2023	-
Bà Huỳnh Hồng Thảo	Thành viên	14/08/2023	-
Bà Nguyễn Thị Thành	Thành viên	20/10/2017	14/08/2023

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Chí Toàn	Phó Tổng Giám đốc	08/03/2018

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Thái Hoàng Thân	Chủ tịch	03/09/2020

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



THÁI HOÀNG THÂN
Chủ tịch

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 29 tháng 3 năm 2024



Số: 24/2024/BCKTHN-HCM.00768

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024, từ trang 6 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Như được nêu tại Thuyết minh 8.2 – Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và công ty con – Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong chưa ghi nhận các khoản tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư mà theo chúng tôi là cần được ghi nhận cho phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:
 - Theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/09/2018, Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 182/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty mẹ chưa ghi nhận chi phí thuê đất từ năm 2006 đến năm 2017 với số tiền là 91.099.278.151 VND và tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư với số tiền là 3.658.061.609 VND tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân. Bên cạnh đó, Công ty mẹ cũng chưa ghi nhận chi phí thuê đất theo các Thông báo tạm nộp của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu cho năm tài chính 2018, 2019, 2020 và 2021 lần lượt là 9.374.460.461 VND, 14.302.492.149 VND, 18.639.365.097 VND và 20.606.698.652 VND.
 - Theo Quyết định số 173/QĐ-TTr và Quyết định số 177/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, công ty con – Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong chưa ghi nhận chi phí thuê đất từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 tại Khu du lịch Nghinh Phong – Khu vực bãi tắm Thùy Vân là 28.397.591.059 VND và tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật (đoạn Ngã 3 Đài liệt sỹ đến Tôm Càng Xanh) mà công ty con đang quản lý và sử dụng là 3.582.625.227 VND. Bên cạnh đó, công ty con cũng chưa ghi nhận chi phí thuê đất theo các Thông báo tạm nộp của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu cho năm tài chính 2018, 2019, 2020 và 2021 lần lượt là 5.283.594.979 VND, 7.946.978.002 VND, 10.290.158.966 VND và 12.039.743.854 VND.

Theo đó, chúng tôi không có cơ sở xác định giá trị tiền thuê đất đã bị ghi thiếu từ các năm tài chính 2006 cho đến năm tài chính 2023, cũng như các điều chỉnh hồi tố liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất các năm trước của Tập đoàn.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất chưa phản ánh các khoản tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng với số tiền là 225.221.048.206 VND. Nếu phản ánh đầy đủ các khoản này vào Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ tăng và giảm tương ứng.

2. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết không được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 do các công ty liên kết không cung cấp báo cáo tài chính.

Ngoài ra, chúng tôi không thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tập đoàn. Do đó, chúng tôi không có cơ sở đánh giá ảnh hưởng đến việc trích lập dự phòng cũng như các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.



NGUYỄN NGỌC THÙY DUNG

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2782-2024-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4128-2022-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		95.439.591.949	98.472.189.151
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.098.818.691	7.149.776.851
Tiền	111		3.218.565.275	4.349.776.851
Các khoản tương đương tiền	112		3.880.253.416	2.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		56.511.940.169	58.203.576.867
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	56.511.940.169	58.203.576.867
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.205.547.890	12.704.891.114
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	21.800.722.424	22.236.375.446
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.849.826.881	1.420.531.725
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	6.063.544.433	5.857.199.248
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	7.495.936.681	7.038.887.663
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(25.004.482.529)	(23.848.102.968)
Hàng tồn kho	140	5.8	736.415.268	958.284.889
Hàng tồn kho	141		736.415.268	958.284.889
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.886.869.931	19.455.659.430
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	240.525.679	810.391.086
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.380.977.863	2.386.977.863
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	16.265.366.389	16.258.290.481
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		108.274.420.475	118.901.758.441
Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	500.000.000	500.000.000
Tài sản cố định	220		53.645.985.251	63.557.417.456
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	53.645.985.251	63.557.417.456
Nguyên giá	222		182.136.669.170	190.839.018.024
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(128.490.683.919)	(127.281.600.568)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		581.801.000	581.801.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(581.801.000)	(581.801.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		52.265.669.835	53.733.044.603
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.11.1	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11.2	62.967.614.431	62.967.614.431
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.11.2	(10.701.944.596)	(9.234.569.828)
Tài sản dài hạn khác	260		1.862.765.389	1.111.296.382
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	1.862.765.389	1.111.296.382
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		203.714.012.424	217.373.947.592

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		41.258.835.258	46.596.790.133
Nợ ngắn hạn	310		26.977.293.995	32.145.248.870
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.170.036.789	1.259.979.956
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		256.781.690	302.803.055
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	22.272.575.298	26.737.452.656
Phải trả người lao động	314		676.020.226	978.541.421
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		188.935.972	261.683.698
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		38.181.815	60.909.047
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14.1	2.212.731.494	2.381.848.326
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		162.030.711	162.030.711
Nợ dài hạn	330		14.281.541.263	14.451.541.263
Phải trả dài hạn khác	337	5.14.2	229.198.650	399.198.650
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	14.052.342.613	14.052.342.613
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		162.455.177.166	170.777.157.459
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	162.455.177.166	170.777.157.459
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		186.445.000.000	186.445.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186.445.000.000	186.445.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.238.309.719	11.238.309.719
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(44.121.274.428)	(35.923.818.119)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(35.923.818.119)	(63.074.492.716)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(8.197.456.309)	27.150.674.597
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.893.141.875	9.017.665.859
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		203.714.012.424	217.373.947.592



NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



THAI HOÀNG THÂN
Chủ tịch

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	36.259.710.311	65.700.884.232
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		36.259.710.311	65.700.884.232
Giá vốn hàng bán	11	6.2	23.604.821.647	34.099.898.261
Lợi nhuận gộp	20		12.654.888.664	31.600.985.971
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.377.588.723	18.974.719.342
Chi phí tài chính	22	6.4	1.467.384.768	(10.088.524.257)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Phân lãi/ (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	4.855.863.515	8.257.324.142
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	20.409.806.580	24.329.959.421
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(8.700.577.476)	28.076.946.007
Thu nhập khác	31	6.7	1.710.570.307	125.468.041
Chi phí khác	32	6.8	497.807.834	110.613.198
Lợi nhuận khác	40		1.212.762.473	14.854.843
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.487.815.003)	28.091.800.850
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	289.819.290	263.484.497
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.777.634.293)	27.828.316.353
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(8.197.456.309)	27.150.674.597
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		419.822.016	677.641.756

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

70 6.10

(440)

1.456

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



THÁI HOÀNG THÂN
Chủ tịch


Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(7.487.815.003)	28.091.800.850
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02	5.10	8.127.561.039	8.980.214.918
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		2.623.754.329	(8.489.038.386)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.3	-	(40.000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.011.281.576)	(18.813.141.196)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		(1.747.781.211)	9.769.796.186
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(87.332.900)	1.848.278.291
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		221.869.621	(4.173.601)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(5.258.509.966)	(4.833.812.875)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(181.603.600)	583.453.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.13	(319.662.821)	(102.959.229)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.373.020.877)	7.260.582.292
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(30.909.091)	(85.454.546)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		1.608.071.448	610.773.800
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(62.891.403.698)	(85.465.946.066)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		64.376.695.211	51.010.191.781
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	28.664.865.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.803.954.847	2.822.576.067
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.866.408.717	(2.442.993.964)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(544.346.000)	(10.823.294.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(544.346.000)	(10.823.294.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		7.149.776.851	13.155.442.523
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	40.000
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.1	7.098.818.691	7.149.776.851


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng


THÁI HOÀNG THÂN
Chủ tịch

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ:	186.445.000.000 VND
Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND
Tổng số cổ phần:	18.644.500 cổ phần
Mã chứng khoán	VTG
Sàn giao dịch	UPCoM

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Các công ty trong Tập đoàn kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty mẹ là:

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- In ấn;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lã;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động thể thao khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Quảng cáo;
- Hoạt động nhiếp ảnh;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ;
- Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác; và
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt.

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là cung cấp dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, khách sạn và dịch vụ lữ hành.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của các công ty trong Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 88 người (31/12/2022: 117 người).

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tên Công ty	Địa chỉ	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
			%	%	
Công ty con					
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 3500736379 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20/03/2023	50,07	50,07	Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Ăn uống; Lữ hành nội địa và quốc tế; Kinh doanh bãi biển, đi du thuyền; Hoạt động giải trí ca nô, trượt nước, ca nô kéo dù; Mua bán đồ dùng cá nhân, đồ trang sức; Mua bán quần áo may sẵn, đồ thể thao; Đại lý bán vé máy bay, tàu thủy, tàu hỏa cho khách du lịch.
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Số 06 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 3502213663 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/09/2019	96,18	96,18	Hoạt động vui chơi, giải trí; Dịch vụ du lịch ngắn ngày; Nhà hàng ăn uống, phục vụ lưu động; Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí.
Theo quyết định số 7024/QĐ-CTBRV ngày 28/07/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn GTGT, do đó Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong ngưng hoạt động kinh doanh bắt đầu từ ngày 01/08/2022 theo thông báo số 25/TB-DLNP ngày 31/07/2022.					
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	29 Trần Hưng Đạo, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		100,00	100,00	Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế.

Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định giải thể Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu trong năm 2016. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu được chuyển giao cho Công ty mẹ. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu đang tiến hành các thủ tục giải thể có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Cấu trúc Tập đoàn (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Số 207 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 3501454916 ngày 28/08/2009	35,00	35,00	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn, biệt thự có kinh doanh du lịch, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch.
--	---	-------------------------------	-------	-------	--

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Khách sạn Vũng Tàu - Sammy	Số 157 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 275 F Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định tạm ngưng hoạt động của Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh trong năm 2018 và Chi nhánh Vũng Tàu trong năm 2019 do kinh doanh hiệu quả thấp, lỗ liên tiếp nhiều năm.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của các công ty trong Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp mua lại công ty khác có giá mua cao hơn giá trị sổ sách. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm chi phí bảo hiểm, internet được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí theo thời gian hiệu lực còn lại của các hợp đồng đã ký kết.

118
CÔNG TY
HẢI
-CH
BR-
-HBT

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
- Máy móc và thiết bị	04 - 08
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
- Tài sản cố định khác	03 - 05

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CTCP
VŨNG TÀU

CTCP
VŨNG TÀU

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.15 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.16 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Công ty liên kết Thành viên chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.214.068.233	527.904.637
Tiền mặt tồn quỹ - USD	-	2.338.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	2.004.497.042	3.814.260.952
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	-	5.273.262
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng - VND	3.880.253.416	2.800.000.000
	7.098.818.691	7.149.776.851

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 1 năm</i>		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	25.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	22.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - chi nhánh Vũng Tàu	3.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á - chi nhánh Vũng Tàu	6.011.940.169	33.203.576.867
	56.511.940.169	58.203.576.867

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	107.732.930
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện Thành Công	3.878.297.384	3.878.297.384
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	2.466.577.510
Công ty TNHH Du lịch Kim Thiện An	5.428.508.862	5.428.508.862
Các khách hàng khác	9.919.605.738	10.355.258.760
	21.800.722.424	22.236.375.446

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<i>Trả trước cho nhà cung cấp khác</i>		
Doanh nghiệp tư nhân Minh Tuấn	964.454.130	964.454.130
Công ty TNHH TMDV Chinh Phong	176.542.459	176.542.459
Công ty TNHH XD - DV - TM - DL Long Thái Hà	168.181.818	168.181.818
Các nhà cung cấp khác	540.648.474	111.353.318
	1.849.826.881	1.420.531.725

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Ông Nguyễn Vũ Hưng	3.052.307.861	2.948.436.704
Ông Đỗ Minh Đức	3.011.236.572	2.908.762.544
	6.063.544.433	5.857.199.248

Khoản tiền cho các cổ đông của Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân vay:

Mục đích: Hỗ trợ hoạt động kinh doanh cho cổ đông.

Thời hạn vay: Khi nhận được thông báo hoàn trả theo nhu cầu đầu tư của bên cho vay và gửi thông báo trước 01 tháng.

Lãi suất: 0,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Giá trị VND	31/12/2023 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2023 Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm - ứng trước tiền góp vốn	10.425.000	-	10.425.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng cho nhân viên	1.764.320.685	(1.195.270.685)	1.730.270.685	(1.195.270.685)
Lãi dự thu	1.442.851.705	-	1.379.245.207	-
BHXH nộp thừa	22.398.178	-	23.399.233	-
Công ty cổ phần TM Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn - Cổ tức	573.709.425	-	115.769.425	-
Phải thu khác	3.682.231.688	(2.953.665.905)	3.779.778.113	(2.953.665.905)
	7.495.936.681	(4.148.936.590)	7.038.887.663	(4.148.936.590)

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2023 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2023 Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ký cược, ký quỹ dài hạn	500.000.000	-	500.000.000	-
	500.000.000	-	500.000.000	-

5.7 Nợ xấu

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự phòng cho phải thu khách hàng khó đòi	19.472.048.714	18.332.169.153
Dự phòng cho phải thu ngắn hạn khác	4.165.436.590	4.148.936.590
Dự phòng cho các khoản trả trước người bán	1.366.997.225	1.366.997.225
	25.004.482.529	23.848.102.968

	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	31/12/2023 Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	01/01/2023 Dự phòng VND
Phải thu khách hàng						
Bên liên quan						
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Trên 3 năm	107.732.930	(107.732.930)	Trên 3 năm	107.732.930	(107.732.930)
Các đối tượng khác						
Công ty TNHH TM DV KT Điện Thành Công	Trên 3 năm	3.878.297.384	(3.878.297.384)	Trên 3 năm	3.878.297.384	(3.878.297.384)
Công ty TNHH Hoàng Trung	Trên 3 năm	2.466.577.510	(2.466.577.510)	Trên 3 năm	2.466.577.510	(2.466.577.510)
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	Trên 3 năm	1.825.472.115	(1.825.472.115)	Trên 3 năm	1.825.472.115	(1.825.472.115)
Công ty TNHH Thiện Trần	Trên 3 năm	1.438.306.242	(1.438.306.242)	Trên 3 năm	1.438.306.242	(1.438.306.242)
Công ty TNHH Du lịch Kim Thiện An	1 - 2 năm	5.428.508.862	(5.027.379.952)		5.428.508.862	(3.907.946.191)
Khách hàng khác		4.752.385.581	(4.728.282.581)		4.721.734.181	(4.707.836.781)
Phải thu khác		4.203.936.590	(4.165.436.590)		4.148.936.590	(4.148.936.590)
Trả trước cho người bán		1.366.997.225	(1.366.997.225)		1.366.997.225	(1.366.997.225)
		25.468.214.439	(25.004.482.529)		25.382.563.039	(23.848.102.968)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Nợ xấu (tiếp theo)**Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi**

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	23.848.102.968	21.992.059.097
Trích lập trong năm	1.173.714.561	1.869.418.871
Hoàn nhập trong năm	(17.335.000)	(13.375.000)
Số dư cuối năm	<u>25.004.482.529</u>	<u>23.848.102.968</u>

5.8 Hàng tồn kho

	Giá trị VND	31/12/2023 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2023 Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	320.146.663	-	454.513.770	-
Công cụ, dụng cụ	100.337.384	-	160.535.202	-
Hàng hóa	315.931.221	-	343.235.917	-
	<u>736.415.268</u>	<u>-</u>	<u>958.284.889</u>	<u>-</u>

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Giá trị lợi thế thương mại	46.500.147	604.501.695
Chi phí công cụ, dụng cụ	78.689.999	76.780.355
Chi phí sửa chữa	31.363.963	81.481.247
Chi phí khác	83.971.570	47.627.789
	<u>240.525.679</u>	<u>810.391.086</u>

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Giá trị lợi thế thương mại	-	-
Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo	1.137.420.173	318.070.805
Chi phí công cụ, dụng cụ	524.699.983	448.770.919
Chi phí trả trước dài hạn khác	200.645.233	344.454.658
	<u>1.862.765.389</u>	<u>1.111.296.382</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	169.601.781.090	12.437.301.613	4.205.748.454	855.447.713	3.738.739.154	190.839.018.024
Mua sắm trong năm	-	193.909.091	-	-	-	193.909.091
Thanh lý trong năm	(5.008.869.855)	(719.454.545)	(1.058.083.545)	-	(2.109.850.000)	(8.896.257.945)
Tại ngày 31/12/2023	164.592.911.235	11.911.756.159	3.147.664.909	855.447.713	1.628.889.154	182.136.669.170
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	108.833.159.774	11.562.738.113	3.552.293.973	844.067.063	2.489.341.645	127.281.600.568
Khấu hao trong năm	7.413.571.432	269.167.519	257.836.140	11.380.650	175.605.298	8.127.561.039
Thanh lý trong năm	(3.727.455.209)	(538.420.158)	(1.058.083.545)	-	(1.594.518.776)	(6.918.477.688)
Tại ngày 31/12/2023	112.519.275.997	11.293.485.474	2.752.046.568	855.447.713	1.070.428.167	128.490.683.919
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	60.768.621.316	874.563.500	653.454.481	11.380.650	1.249.397.509	63.557.417.456
Tại ngày 31/12/2023	52.073.635.238	618.270.685	395.618.341	-	558.460.987	53.645.985.251

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng

Tại ngày 01/01/2023

14.695.621.069

7.636.954.795

1.787.953.000

801.993.167

1.087.871.308

26.010.393.339

Tại ngày 31/12/2023

22.871.111.719

10.524.356.159

729.869.455

855.447.713

918.571.308

35.899.356.354

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
5.11.1 Đầu tư vào công ty liên kết				
	[a]			
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	1.190.000.000	-	1.190.000.000	-
	1.190.000.000	-	1.190.000.000	-
5.11.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
	[b]			
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	13.000.000.000	(200.862.504)	13.000.000.000	(1.434.782.561)
Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	28.602.790.000	(2.054.861.323)	28.602.790.000	-
Công ty cổ phần Lạc Việt	-	-	-	-
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	9.390.560.000	-	9.390.560.000	-
Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	3.468.701.654	(1.007.500.595)	3.468.701.654	(337.425.568)
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.784.000.000	(2.784.000.000)	2.784.000.000	(2.784.000.000)
Công ty cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu Giải trí	1.169.190.000	(1.169.190.000)	1.169.190.000	(1.169.190.000)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	800.000.000	(800.000.000)	800.000.000	(800.000.000)
Công ty cổ phần San Hồ Xanh Côn Đảo	800.000.000	(34.619.319)	800.000.000	(34.619.319)
Công ty cổ phần Du lịch An Hoa	500.000.000	(198.538.078)	500.000.000	(222.179.603)
Hợp tác xã Du lịch Biển Xanh	-	-	-	-
Công ty cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	2.452.372.777	(2.452.372.777)	2.452.372.777	(2.452.372.777)
	62.967.614.431	(10.701.944.596)	62.967.614.431	(9.234.569.828)

(*) Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**Tình hình biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn**

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	9.234.569.828	18.946.928.290
Trích lập trong năm	1.467.374.768	2.069.529.925
Hoàn nhập trong năm	-	(12.414.612.182)
Phân loại lại khoản đầu tư	-	632.723.795
Số dư cuối năm	10.701.944.596	9.234.569.828

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

- [a] Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501454916 ngày 28 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 6023/UBND-VP ngày 02/08/2016 về việc chấm dứt hiệu lực chủ trương cho Công ty cổ phần Giải trí Minh Đạm đầu tư Dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- [b] Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500770108 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15 tháng 7 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 350.000.000.000 VND. Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vốn góp của Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại ngày 31/12/2023 là 13.000.000.000 VND tương ứng với 3,71% vốn điều lệ.
- [c] Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500613923 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 1114/UBND-VP ngày 02/06/2014 về việc thu hồi 152.619,5m² đất cho Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm thuê để thực hiện Dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tập đoàn có các cam kết góp vốn nhưng chưa thực hiện tại ngày 31/12/2023:

	Vốn điều lệ của đơn vị nhận đầu tư VND	Vốn cam kết góp VND	Tình hình góp vốn của Tập đoàn	
			Vốn đã góp đến 31/12/2023 VND	Vốn chưa góp đến 31/12/2023 VND
Công ty liên kết				
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	20.000.000.000	7.000.000.000	1.190.000.000	5.810.000.000
Đầu tư góp vốn khác				
Công ty cổ phần Du lịch Sinh Thái Long Hải	60.000.000.000	3.500.000.000	3.468.701.654	31.298.346
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	100.000.000.000	10.000.000.000	2.784.000.000	7.216.000.000

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Phượng	155.673.200	155.673.200	-	-
Các nhà cung cấp khác	1.014.363.589	1.014.363.589	1.259.979.956	1.259.979.956
	1.170.036.789	1.170.036.789	1.259.979.956	1.259.979.956

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2023		Số phát sinh trong năm		31/12/2023	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra	2.148.372	142.524.671	2.447.733.569	(2.350.595.145)	-	237.514.723
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.214.311	-	-	-	3.214.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp	308.146.087	139.420.270	289.819.290	(275.209.814)	308.146.087	154.029.746
Thuế thu nhập cá nhân	21.302.126	20.866.521	238.836.459	(246.657.378)	30.526.406	22.269.882
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (i)	15.925.446.770	26.376.311.346	3.389.786.124	(7.916.303.174)	15.925.446.770	21.849.794.296
(i.a)	-	26.376.311.346	3.389.786.124	(7.916.303.174)	-	21.849.794.296
(i.b)	15.925.446.770	-	-	-	15.925.446.770	-
Các loại thuế khác	1.247.126	55.115.537	116.333.054	(165.696.251)	1.247.126	5.752.340
	16.258.290.481	26.737.452.656	6.482.508.496	(10.954.461.762)	16.265.366.389	22.272.575.298

(i.a) Xem thêm tại thuyết minh số 8.2.

Trong năm, Tập đoàn ghi nhận chi phí tiền thuế đất tại lô bãi tắm Thùy Vân số tiền 981.872.920 VND.

(i.b) Khoản cưỡng chế từ tài khoản tiền gửi ngân hàng theo Quyết định số 2734/QĐ-CCTKV, 2735/QĐ-CCTKV, 2736/QĐ-CCTKV, 2737/QĐ-CCTKV, 2738/QĐ-CCTKV, 2739/QĐ-CCTKV, 2740/QĐ-CCTKV ngày 12/04/2021 và Số 5260/QĐ-CCTKV ngày 15/06/2022 của Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo.

Trong đó:

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 15.523.642.677

Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong 401.804.093

15.925.446.770

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm - Thuế GTGT	15.195.727	15.195.727
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	91.337.118	77.571.789
Cổ tức phải trả (năm 2011)	38.461.800	38.461.800
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	625.850.000	630.850.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.441.886.849	1.619.769.010
	2.212.731.494	2.381.848.326

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Sở Tài Chính Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Tạm ứng vốn kinh doanh	249.800	249.800
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	228.948.850	398.948.850
	229.198.650	399.198.650

5.15 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Giá trị VND	31/12/2023 Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	01/01/2023 Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613
	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613

Vay dài hạn - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Khoản vay phát sinh trước cổ phần hóa và hiện đã được khoanh nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm:

	01/01/2023 VND	Vay trong năm VND	Thanh toán VND	31/12/2023 VND
<i>Vay dài hạn</i>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	14.052.342.613	-	-	14.052.342.613
	14.052.342.613	-	-	14.052.342.613

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.16 Vốn chủ sở hữu**5.16.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ đầu tư	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	186.445.000.000	11.238.309.719	(63.074.492.716)	8.869.388.103	143.478.205.106
Lãi năm 2022	-	-	27.150.674.597	677.641.756	27.828.316.353
Chia cổ tức	-	-	-	(529.364.000)	(529.364.000)
Tại ngày 31/12/2022	186.445.000.000	11.238.309.719	(35.923.818.119)	9.017.665.859	170.777.157.459
Tại ngày 01/01/2023	186.445.000.000	11.238.309.719	(35.923.818.119)	9.017.665.859	170.777.157.459
Lãi năm 2023	-	-	(8.197.456.309)	419.822.016	(7.777.634.293)
Chia cổ tức	-	-	-	(544.346.000)	(544.346.000)
Tại ngày 31/12/2023	186.445.000.000	11.238.309.719	(44.121.274.428)	8.893.141.875	162.455.177.166

5.16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp:

Vốn điều lệ:	186.445.000.000 VND
Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND
Tổng số cổ phần:	18.644.500 cổ phần

Chi tiết vốn góp của các cổ đồng như sau:

Cổ đồng	Số cổ phần	31/12/2023		01/01/2023		
		Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	10.978.400	109.784.000.000	58,88	10.978.400	109.784.000.000	58,88
Các cổ đồng khác	7.666.100	76.661.000.000	41,12	7.666.100	76.661.000.000	41,12
	18.644.500	186.445.000.000	100,00	18.644.500	186.445.000.000	100,00

5.16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	2023 VND	2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	186.445.000.000	186.445.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	186.445.000.000	186.445.000.000

5.16.4 Cổ phiếu

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.644.500	18.644.500
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.644.500	18.644.500
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.644.500	18.644.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu		

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**Ngoại tệ các loại****31/12/2023****01/01/2023**

Dollar Mỹ (USD)

-

332,20

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****2023****2022**

VND

VND

Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí...

32.834.481.061

63.376.509.558

Doanh thu dịch vụ lữ hành

3.425.229.250

2.324.374.674

Cộng**36.259.710.311****65.700.884.232****6.2 Giá vốn hàng bán****2023****2022**

VND

VND

Giá vốn dịch vụ nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí...

20.497.001.173

31.591.485.697

Giá vốn dịch vụ lữ hành

3.107.820.474

2.508.412.564

23.604.821.647**34.099.898.261****6.3 Doanh thu hoạt động tài chính****2023****2022**

VND

VND

Lãi tiền gửi

4.919.450.385

3.063.256.342

Lãi chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn

Biển Đông

-

10.381.423.000

Lãi chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty cổ phần Lạc Việt

-

5.530.000.000

Cổ tức được chia

457.940.000

Lãi chênh lệch tỷ giá

198.338

40.000

5.377.588.723**18.974.719.342****6.4 Chi phí tài chính****2023****2022**

VND

VND

Chi phí chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty cổ phần Lạc Việt

-

226.558.000

Chi phí chuyển nhượng chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty cổ

phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông

-

30.000.000

Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

1.467.374.768

(10.345.082.257)

1.467.384.768**(10.088.524.257)****6.5 Chi phí bán hàng****2023****2022**

VND

VND

Chi phí nhân viên

2.253.722.303

3.112.852.210

Chi phí khấu hao tài sản cố định

1.434.121.865

1.977.748.429

Chi phí khác

1.168.019.347

3.166.723.503

4.855.863.515**8.257.324.142**

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	11.136.998.978	12.957.213.035
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.242.073.229	1.284.601.961
Chi phí tiền thuê đất	826.664.377	4.794.776.391
Chi phí khác	5.204.069.996	5.293.368.034
	20.409.806.580	24.329.959.421

6.7 Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	64.191.861	95.019.854
Tiền thuê đất năm 2022 được giảm	1.627.560.874	-
Thu nhập khác	18.817.572	30.448.187
	1.710.570.307	125.468.041

6.8 Chi phí khác

	2023 VND	2022 VND
Phạt thuế, vi phạm hành chính	15.436.641	84.033.661
Chi phí khác	482.371.193	26.579.537
	497.807.834	110.613.198

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	289.819.290	263.484.497
	289.819.290	263.484.497

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(8.197.456.309)	27.150.674.597
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8.197.456.309)	27.150.674.597
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.644.500	18.644.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(440)	1.456

Thông tin khác

Không có giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.214.262.101	10.111.586.183
Chi phí nhân viên	16.479.181.019	20.282.441.760
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.127.561.039	8.980.214.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.078.896.773	19.255.524.480
Chi phí khác	5.970.590.810	8.057.414.483
	48.870.491.742	66.687.181.824

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro về lãi suất

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tập đoàn có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lợi với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

7.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

SO
TY
I
AN
NA
HI
VŨNG TÀU

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

7.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản nợ gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Phải trả người bán	1.170.036.789	-	-	1.170.036.789
Các khoản vay	-	-	14.052.342.613	14.052.342.613
Phải trả khác, chi phí phải trả	2.310.330.348	229.198.650	-	2.539.528.998
	3.480.367.137	229.198.650	14.052.342.613	17.761.908.400
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán	1.259.979.956	-	-	1.259.979.956
Các khoản vay	-	-	14.052.342.613	14.052.342.613
Phải trả khác, chi phí phải trả	2.565.960.235	399.198.650	-	2.965.158.885
	3.825.940.191	399.198.650	14.052.342.613	18.277.481.454

Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	31/12/2023 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2023 VND	31/12/2023 VND	Giá trị hợp lý 01/01/2023 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu khách hàng	2.328.673.710	3.904.206.293	2.328.673.710	3.904.206.293
Phải thu về cho vay ngắn hạn	6.063.544.433	5.857.199.248	6.063.544.433	5.857.199.248
Phải thu khác	6.209.217.818	5.785.217.745	6.209.217.818	5.785.217.745
Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	56.511.940.169	58.203.576.867	56.511.940.169	58.203.576.867
Đầu tư góp vốn đơn vị khác	52.265.669.835	53.733.044.603	52.265.669.835	53.733.044.603
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.098.818.691	7.149.776.851	7.098.818.691	7.149.776.851
	130.477.864.656	134.633.021.607	130.477.864.656	134.633.021.607
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Phải trả người bán	1.170.036.789	1.259.979.956	1.170.036.789	1.259.979.956
Các khoản vay	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613
Phải trả khác	2.539.528.998	2.965.158.885	2.539.528.998	2.965.158.885
	17.761.908.400	18.277.481.454	17.761.908.400	18.277.481.454

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giá trị hợp lý (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Ông Thái Hoàng Thân	468.600.000	439.400.000
Ông Lê Chí Toàn	316.800.000	320.400.000
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	293.812.500	295.812.500
	<u>1.079.212.500</u>	<u>1.055.612.500</u>

Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thống Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Giao dịch và số dư với bên liên quan khác*Tập đoàn không có giao dịch phát sinh với các bên liên quan khác.**Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm		
Phải thu thương mại	107.732.930	107.732.930
Phải thu khác	10.425.000	10.425.000
Phải trả khác	(15.195.727)	(15.195.727)

8.2 Tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng

Diện tích đất mà Công ty mẹ và công ty con - Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong đang quản lý sử dụng tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân bao gồm:

	Công ty mẹ m ²	Công ty con m ²	Cộng m ²
Diện tích thuê đất	54.171,10	32.835,90	87.007,00
Trong đó:			
Diện tích tính tiền thuê đất	41.142,80	21.249,60	62.392,40
Diện tích bãi cát	13.028,30	11.586,30	24.614,60

Tiền thuê cơ sở hạ tầng gồm:

Khoản truy thu tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đã đầu tư, Công ty mẹ đang quản lý và sử dụng nhưng không nộp tiền thuê hạ tầng từ lúc sử dụng cho đến nay.

Khoản truy thu tiền thuê cơ sở hạ tầng tại đoạn Ngã 3 Đài Liệt sỹ đến Tôm Càng Xanh do ngân sách Tỉnh đã đầu tư, công ty con đang quản lý và sử dụng nhưng không nộp tiền thuê hạ tầng từ lúc sử dụng cho đến nay.

Tiền thuê đất phải nộp**Từ năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Theo các Quyết định và Kết luận của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty mẹ và công ty con - Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong phải ghi nhận chi phí và nợ tiền thuê đất, thuê hạ tầng tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, cụ thể:

	Từ năm 2006 đến năm 2017 VND	Đã ghi nhận vào BCTC các năm VND	Số chưa ghi nhận vào BCTC VND
Theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/09/2018, Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 182/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu			
Tiền thuê đất	107.498.702.141	16.399.423.990	91.099.278.151
Tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư	3.658.061.609	-	3.658.061.609
Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/09/2018 và Quyết định số 173/QĐ-TTr và Quyết định số 177/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu			
Tiền thuê đất	33.055.916.899	4.658.325.840	28.397.591.059
Tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư	3.582.625.227	-	3.582.625.227
Cộng [a]	147.795.305.876	21.057.749.830	126.737.556.046

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2021

Theo các Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu, tiền thuê đất tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu cho năm tài chính 2018, 2019, 2020 và năm tài chính 2021 như sau:

	Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu	Thông báo số 9774/TB-CCTKV ngày 29/12/2021	Đã ghi nhận vào BCTC các năm	Số chưa ghi nhận vào BCTC	
		VND	VND	VND	
Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu					
Tiền thuê đất năm 2018	3305/160/TB-CCT ngày 27/04/2018; 8927/160/TB-CCT ngày 26/09/2018	15.015.061.246	(2.694.982.025)	2.945.618.760	9.374.460.461
Tiền thuê đất năm 2019	3590/160/TB-CCT ngày 22/04/2019; 10142/160/TB-CCT ngày 20/09/2019	21.021.085.744	(3.772.974.835)	2.945.618.760	14.302.492.149
Tiền thuê đất năm 2020	1926/152/TB-CCT ngày 24/04/2020; 8934/152/TB-CCT ngày 18/09/2020	26.306.584.390	(4.721.600.533)	2.945.618.760	18.639.365.097
Tiền thuê đất năm 2021	3288/149/TB-CCTKV ngày 26/04/2021; 6601/46/TB-CCTKV ngày 24/09/2021	26.306.584.391	(2.754.266.979)	2.945.618.760	20.606.698.652

Số tiền thuê đất giảm của phần diện tích bãi cát được tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 13/07/2021 là 13.943.824.372 VND.

	Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu	Thông báo số 9669/TB-CCTKV ngày 28/12/2021	Đã ghi nhận vào BCTC các năm	Số chưa ghi nhận vào BCTC	
		VND	VND	VND	
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong					
Tiền thuê đất năm 2018	3305/144/TB-CCT ngày 27/04/2018; 8927/144/TB-CCT ngày 26/09/2018	9.053.108.532	(2.396.695.673)	1.372.817.880	5.283.594.979
Tiền thuê đất năm 2019	3590/144/TB-CCT ngày 22/4/2019; 10142/144/TB-CCT ngày 20/09/2019	12.674.351.944	(3.355.373.942)	1.372.000.000	7.946.978.002
Tiền thuê đất năm 2020	1926/137/TB-CCT ngày 24/04/2020; 8934/137/TB-CCT ngày 18/09/2020.	15.861.162.694	(4.199.003.728)	1.372.000.000	10.290.158.966
Tiền thuê đất năm 2021	3822/137/TB-CCT ngày 26/04/2021; 6601/48/TB- CCTKV ngày 24/09/2021	15.861.162.695	(2.449.418.841)	1.372.000.000	12.039.743.854

Số tiền thuê đất giảm của phần diện tích bãi cát được tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 13/07/2021 là 12.400.492.184 VND.

Cộng [b]	142.099.101.636	(26.344.316.556)	17.271.292.920	98.483.492.160
Tổng cộng [a] + [b]	289.894.407.512	(26.344.316.556)	38.329.042.750	225.221.048.206

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng (tiếp theo)

Theo thông báo nộp tiền thuê đất số 3231/46/TB-CCTKV ngày 05/04/2023 của Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo, tiền thuê đất của lô 209 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu và lô Mũi Nghinh Phong, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu lần lượt là 3.125.184.382 VND và 5.601.899.079 VND. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận phần tiền thuê đất của lô 209 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu do Công ty đã bàn giao đất lại theo quyết định thi hành án số 454/QĐ-CTHADS ngày 16/07/2021 của Cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và lô Mũi Nghinh Phong, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu đã thu hồi theo Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Căn cứ văn bản số 19121/UBND-VP ngày 16/12/2021 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc đồng ý theo kiến nghị của Thanh tra Tỉnh tại văn bản số 1961/TTr-NV2 ngày 07/12/2021 không tính tiền thuê đất phần diện tích bãi cát đối với các doanh nghiệp tại Bãi Sau (từ ngày 01/01/2018 trở về sau) do bãi cát sử dụng công cộng (không sử dụng vào mục đích kinh doanh) và văn bản số 9616/CT-HKDCN ngày 22/12/2021 của Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc xử lý kiến nghị của các doanh nghiệp về tiền thuê đất từ sau ngày 01/01/2018 liên quan diện tích bãi cát tại Bãi Sau, Thành phố Vũng Tàu, theo đó, Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo thông báo về việc điều chỉnh tiền thuê đất khu vực Bãi Sau, Thành phố Vũng Tàu (không bao gồm diện tích bãi cát của Công ty mẹ là 13.028,30 m² và công ty con là 11.586,30 m²).

8.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Hoạt động của Tập đoàn bao gồm:

Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ đi kèm: bao gồm khách sạn, nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải khát, kinh doanh khu du lịch, vui chơi, giải trí ; và

Đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch.

Chi tiết kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh trong năm như sau:

	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng VND	Kinh doanh lữ hành VND	Cộng VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.834.481.061	3.425.229.250	36.259.710.311
Doanh thu hoạt động tài chính	5.377.449.335	139.388	5.377.588.723
Thu nhập khác	1.710.570.307	-	1.710.570.307
	39.922.500.703	3.425.368.638	43.347.869.341
Giá vốn hàng bán	20.497.001.173	3.107.820.474	23.604.821.647
Chi phí tài chính	1.467.384.768	-	1.467.384.768
Chi phí bán hàng	4.855.863.515	-	4.855.863.515
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.050.128.869	359.677.711	20.409.806.580
Chi phí khác	497.807.834	-	497.807.834
	47.368.186.159	3.467.498.185	50.835.684.344
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.445.685.456)	(42.129.547)	(7.487.815.003)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH BÌNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



THÁI HOÀNG THÂN
Chủ tịch

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 3 năm 2024

